**PHIẾU KHẢO SÁT TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO CHÍNH QUY THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ**

**VÀ NHÂN LỰC SỐ TẠI CÁC TRƯỜNG**

*Lưu ý*: *1) Bộ Công Thương cam kết giữ bí mật các thông tin riêng của trường và chỉ dùng thông tin cung cấp tại phiếu điều tra này cho mục đích khảo sát, tổng hợp về tình hình đào tạo thương mại điện tử (TMĐT) và nhân lực số tại các cơ sở đào tạo năm 2019.*

*2) Với những câu hỏi đã có sẵn phương án trả lời, xin chọn câu trả lời thích hợp bằng cách đánh dấu X vào ô 🔾 hoặc ❑ tương ứng*

*3) Dấu* 🔾*: Chỉ chọn* ***một*** *trong các câu trả lời; Dấu ❑ : có thể chọn* ***nhiều hơn một*** *câu trả lời*

*TMĐT là một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế số. Nhân lực số là một trong những yếu tố cốt lõi đang được Chính phủ chú trọng đẩy mạnh nhằm nâng cao năng lực tiếp cận và phát triển nền Kinh tế số nói chung của Việt Nam trong thời gian tới. Trên cơ sở đó, Bộ Công Thương tiến hành điều tra, khảo sát tình hình phát triển nguồn nhân lực số thông qua đào tạo TMĐT và CNTT kết hợp mở rộng tìm hiểu sâu hơn về đào tạo nhân lực số tại các cơ sở đào tạo nhằm đánh giá tình hình thực tế và đưa ra các giải pháp hỗ trợ để nâng cao kỹ năng số trong thời gian tới.*

**A. Thông tin chung**

1. Tên trường:
2. Địa chỉ:
3. Địa chỉ website: Fax:
4. Thông tin liên hệ của người điền phiếu:

Họ và tên:

Chức vụ: ……………………………………………………………………………………

Điện thoại: Email:…………………………………….

1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành kinh tế năm 2019 (ước tính): ……………………….
2. Số lượng sinh viên tốt nghiệp ngành công nghệ thông tin năm 2019 (ước tính): ………….

**B. Tình hình đào tạo TMĐT**

1. **Giảng dạy môn học TMĐT và các môn liên quan đến TMĐT**
2. Hiện trường đang giảng dạy những môn học nào trong lĩnh vực TMĐT? *(Có thể gửi danh sách môn học kèm theo; Các môn học trong lĩnh vực TMĐT bao gồm: TMĐT căn bản, eMarketing, Pháp luật TMĐT, Thanh toán điện tử, Quản trị doanh nghiệp điện tử, Quản trị sàn giao dịch điện tử, Chiến lược kinh doanh điện tử, Quản trị logistic và chuỗi cung ứng, An toàn và bảo mật TMĐT, Chứng thực trong TMĐT, Thiết kế giao diện website TMĐT, Xây dựng và phát triển website TMĐT, Lập trình, Cơ sở dữ liệu, Phân tích thiết kế hệ thống thông tin, và các bộ môn khác liên quan…)*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Stt** | **Môn học** | | **Số tiết học** | **Tín chỉ** |
| **Bắt buộc** | **Tự chọn** |
| 1 |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |
| 4 |  |  |  |  |
| 5 |  |  |  |  |
| 6 |  |  |  |  |
| 7 |  |  |  |  |
| 8 |  |  |  |  |
| 9 |  |  |  |  |
| 10 |  |  |  |  |
| 11 |  |  |  |  |
| 12 |  |  |  |  |
| 13 |  |  |  |  |
| 14 |  |  |  |  |
| 15 |  |  |  |  |
| 16 |  |  |  |  |
| 17 |  |  |  |  |
| 18 |  |  |  |  |
| 19 |  |  |  |  |
| 20 |  |  |  |  |

1. Số lượng sinh viên từ trước đến nay tham gia các môn học TMĐT của trường ước tính là bao nhiêu?
2. Nếu trường chưa giảng dạy môn học TMĐT:
   1. Trường có dự kiến giảng dạy các môn học TMĐT không?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có (trả lời tiếp câu 3.2) | 🔾 | Không (chuyển sang phần C) |

* 1. Trường dự định thời gian nào sẽ giảng dạy môn học TMĐT?

|  |  |
| --- | --- |
| 🔾 | Trong vòng 2 năm tới |
| 🔾 | 3 đến 5 năm tới |
| 🔾 | Chưa xác định thời điểm |

1. **Đào tạo bộ môn TMĐT**
2. Trường mở bộ môn TMĐT năm nào?
3. Bộ môn TMĐT hiện thuộc khoa nào?
4. Bộ môn TMĐT được giảng dạy cho những ngành và chuyên ngành nào?

1. **Đào tạo chuyên ngành TMĐT**
   1. Trường đào tạo chuyên ngành TMĐT năm nào?
   2. Chuyên ngành TMĐT hiện thuộc khoa nào quản lý?
   3. Chuyên ngành TMĐT hiện thuộc ngành nào?

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Kinh tế |
| ❑ | Công nghệ thông tin |
| ❑ | Khác (đề nghị nêu rõ)…………………………………………………………….. |

* 1. Số lượng sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành TMĐT?
  2. Tỷ lệ sinh viên có việc làm trên tổng số sinh viên đã tốt nghiệp chuyên ngành TMĐT chiếm:……………..%

1. **Đào tạo ngành TMĐT**
   1. Trường đã mở ngành năm nào?
   2. Ngành TMĐT hiện do khoa nào quản lý?
   3. Ngành TMĐT có những chuyên ngành nào?
   4. Ước tính số khóa sinh viên tốt nghiệp ngành TMĐT:

Tên khóa:…………… ….. Năm:…………………. Số lượng:…………………

* 1. Tỷ lệ sinh viên ra trường dự kiến có việc làm chiếm:……………………………………… %
  2. Mức lương trung bình của sinh viên mới ra trường:……………………………… triệu/tháng

1. **Nguồn lực giảng viên**

1. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy các môn học về TMĐT:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Học hàm, hoc vị** | **Số lượng giảng viên** | |
| **Đào tạo trong nước** | **Đào tạo nước ngoài** |
| GS., Tiến sỹ |  |  |
| PGS., Tiến sỹ |  |  |
| Tiến sỹ |  |  |
| Thạc sỹ |  |  |
| Kỹ sư/ Cử nhân |  |  |
| Khác |  |  |
| **Tổng số** |  |  |

1. Trong tổng số giảng viên giảng dạy, mỗi nhóm sau chiếm tỷ lệ bao nhiêu %:

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Số giảng viên được đào tạo chuyên ngành về TMĐT: ………% |
| ❑ | Số giảng viên các ngành khác được bồi dưỡng thêm về TMĐT để giảng dạy:……...% |

1. **Giáo trình, tài liệu**
2. Giáo trình sử dụng để giảng dạy các môn về TMĐT?

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Sử dụng sách Thương mại điện tử và Kinh tế số của Cục TMĐT và KTS |
| ❑ | Sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo trong nước khác (đề nghị nêu rõ): |
|  | …………………………………………………………………………………………. |
| ❑ | Sử dụng giáo trình của các cơ sở đào tạo của nước ngoài (đề nghị nêu rõ): |
|  | ………………………………………………………………………………………….. |
| ❑ | Do nhà trường hoặc giáo viên tự biên soạn |
| ❑ | Khác: (đề nghị nêu rõ) ………………………………………………………………… |

1. Nguồn tài liệu để giảng dạy các môn về TMĐT?

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Nước ngoài chiếm: …………………………………………………………………..% |
| ❑ | Trong nước chiếm:………………………………………………………………….. % |
| ❑ | Tự biên soạn chiếm: …………………………………………………………………% |
| ❑ | Các nguồn khác chiếm: ……………………………………………………………...% |

1. Nội dung cơ bản trong các tài liệu giảng dạy TMĐT tại trường gồm:

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Tổng quan TMĐT |
| ❑ | Chính sách, pháp luật TMĐT |
| ❑ | Chiến lược, kế hoạch, cách thức ứng dụng TMĐT hiệu quả |
| ❑ | Công nghệ ứng dụng trong TMĐT |
| ❑ | Phương thức và mô hình kinh doanh mới thời đại nền kinh tế số |
| ❑ | Giao dịch trong TMĐT |
| ❑ | An toàn, an ninh trong TMĐT |
| ❑ | Sáng kiến số hóa thời kỳ CMCN 4.0 |
| ❑ | Phát triển nguồn nhân lực TMĐT |
| ❑ | Khác:…………………………………………………………………………………… |

1. **Cơ sở vật chất kỹ thuật**
2. Trường có ứng dụng các công nghệ mới (AI, VR và AR, Bigdata, Robots, Điện toán đám mây…) nào trong thử nghiệm thực hành không?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có | 🔾 | Không |

Nếu có, liệt kê các công nghệ đang triển khai:

1. Trường có trang bị phòng thực hành dành cho đào tạo TMĐT?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có (Nếu có, số lượng máy tính:…………...) | 🔾 | Không |

1. Trường có phần mềm chuyên dụng thực hành về TMĐT?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có | 🔾 | Không |

Nếu có, những phần mềm nào được sử dụng:

1. Tổng số giờ thực hành về TMĐT chiếm bao nhiêu phần trăm trong tổng thời gian đào tạo các môn liên quan đến TMĐT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | 30% | 🔾 | 20% | 🔾 | 10% | 🔾 | Khác ........ % |

**C. Tình hình đào tạo nguồn nhân lực số**

*Chuyển đổi học tập cho tương lai kỹ thuật số, chú trọng trang bị cho học sinh, sinh viên các kỹ năng phù hợp môi trường làm việc trong tương lai là mục đích hàng đầu của nền giáo dục hiện đại. Trọng tâm phát triển nguồn nhân lực hiện nay được tập trung vào nhóm ngành STEM (Science: Khoa học; Technology: Công nghệ; Engineering: Kỹ thuật; Mathematics: Toán học).*

1. Trường có xây dựng chương trình đào tạo STEM không?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có (trả lời tiếp câu 2) | 🔾 | Không (chuyển sang câu 8) |

1. Quy mô đào tạo STEM của trường

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Đào tạo chuyên ngành STEM |
| ❑ | Đào tạo trong một số ngành/chuyên ngành (Cụ thể: …………………………………………………………………………………………) |
| ❑ | Đào tạo dưới dạng các môn học tự chọn |
| ❑ | Khác: (xin nêu rõ, ví dụ thành lập Viện, Trung tâm đổi mới sáng tạo) …………………………………………………………………………………………… |

1. Trình độ, phương thức đào tạo và số lượng học viên

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương thức**  **Trình độ** | **Tập trung** | **Kết hợp**  **đào tạo tập trung và trực tuyến** | **Trực tuyến** | **SL học viên** |
| Cao đẳng nghề | ❑ | ❑ | ❑ |  |
| Cao đẳng | ❑ | ❑ | ❑ |  |
| Đại học | ❑ | ❑ | ❑ |  |
| Sau Đại học | ❑ | ❑ | ❑ |  |

Khác: (xin nêu rõ)

1. Những môn học nào được giảng dạy trong chương trình đào tạo STEM? (có thể gửi kèm danh sách môn học)

|  |
| --- |
| …………………………………………………………………………………………….. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |
| ……………………………………………………………………………………………. |

1. Số lượng sinh viên được đào tạo theo chương trình STEM (ước tính): …………………
2. Tổng số giảng viên tham gia giảng dạy các môn học về STEM: …………người; trong đó:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | Tiến sỹ | …….người: | ...... đào tạo trong nước; | ..... đào tạo nước ngoài |
| ❑ | Thạc sỹ | …….người: | ...... đào tạo trong nước; | ..... đào tạo nước ngoài |
| ❑ | Kỹ sư/Cử nhân | …….người: | ...... đào tạo trong nước; | ..... đào tạo nước ngoài |
| ❑ | Khác | …………………………………………………………………... | | |

1. Trong tổng số giảng viên này, mỗi nhóm sau chiếm tỷ lệ bao nhiêu %:

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Số giảng viên được đào tạo chuyên ngành về STEM: ………% |
| ❑ | Số giảng viên các ngành khác được bồi dưỡng thêm về STEM để giảng dạy:……...% |

1. Nếu trường chưa đào tạo theo chương trình STEM, trường dự kiến thời gian nào sẽ đào tạo:

|  |  |
| --- | --- |
| 🔾 | Trong vòng 2 năm tới |
| 🔾 | 3 đến 5 năm tới |
| 🔾 | Chưa xác định thời điểm |

**D. Đề xuất chính sách và đề xuất hỗ trợ từ cơ quan quản lý Nhà nước:**

**I. Nhu cầu được hỗ trợ đào tạo, tập huấn, bồi dưỡng định kỳ cho giảng viên giảng dạy TMĐT, STEM và các môn học liên quan**

1. Số lượng giảng viên có nhu cầu đào tạo và đào tạo lại:
2. Thời gian đào tạo phù hợp trong năm:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | Quý I | ❑ | Quý II | ❑ | Quý III | ❑ | Quý IV |

1. Thời lượng đào tạo phù hợp:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | 03 – 05 ngày | ❑ | 05 – 10 ngày | ❑ | 10 – 20 ngày |

1. Địa điểm đào tạo:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | Hà Nội | ❑ | TP.HCM | ❑ | Đào tạo kết hợp (online và offline) |
| Khác:………………………………………………………………………………………. | | | | | |

1. Ngôn ngữ giảng dạy:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | Tiếng Việt | ❑ | Tiếng Anh | ❑ | Kết hợp song ngữ |

1. Kinh phí

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Tự túc toàn bộ | 🔾 | Tự túc một phần |

**II. Nhu cầu về hợp tác Quốc tế**

1. Tham gia các chương trình trao đổi chuyên gia, giảng viên về giảng dạy chuyên ngành TMĐT, STEM và các chương trình hỗ trợ một số ngành nghề khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có | 🔾 | Không |

1. Nhu cầu khảo sát học tập kinh nghiệm nước ngoài:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có | 🔾 | Không |

1. Kinh phí dự kiến:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ❑ | của Trường | ❑ | Tài trợ khác | ❑ | Cán bộ tham gia tự túc 1 phần |

1. Tiếp nhận các chương trình học tiên tiến của các nước phát triển (như Anh, Úc, Mỹ, Singapore,...) vào nhà trường

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ❑ | Chương trình ngắn hạn | ❑ | Cao đẳng, cao đẳng nghề |
| ❑ | Chương trình dài hạn | ❑ | Đại học |
|  |  | ❑ | Sau đại học |

**III. Nhu cầu tham gia phát triển đào tạo từ xa (E-Learning)**

1. Sẵn sàng bố trí nguồn nhân lực phát triển các khóa học đào tạo trực tuyến (E-Learning) về TMĐT, STEM do Cục TMĐT và KTS cung cấp, hoặc phối hợp với các đơn vị khác

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có (trả lời tiếp câu 2) | 🔾 | Không (chuyển sang câu 3) |

1. Số lượng giảng viên dạy TMĐT, STEM có thể tham gia phát triển khóa học:

|  |
| --- |
| ……………………………………………………………………………………………… |

1. Sẵn sàng chia sẻ các tài liệu giảng dạy trên trang học liệu điện tử do Cục TMĐT và KTS triển khai

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| 🔾 | Có | 🔾 | Không |

**IV. Nhu cầu về hỗ trợ giảng dạy TMĐT, STEM tại trường**

Trường có nhu cầu được hỗ trợ về những yếu tố nào sau đây để phục vụ công tác giảng dạy và học tập TMĐT, STEM:

|  |  |
| --- | --- |
| ❑ | Giảng viên |
| ❑ | Tài liệu |
| ❑ | Giáo trình |
| ❑ | Thử nghiệm thực tế |
| ❑ | Khác (Ghi cụ thể:……………………………………………………………………...) |

**V. Đề xuất khác**

|  |
| --- |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |
| ……………………………………………………………………………………………… |

**Trân trọng cảm ơn Quý trường./.**

**Đại diện đơn vị**

*(ký tên và đóng dấu)*